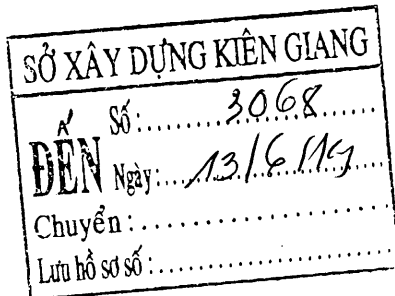


BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 1325/BXD-KHTC****Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2019**

V/v báo cáo tình hình thực hiện
nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2019.

Kính gửi:

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội;
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Xây dựng;
- Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM);
- Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị (HUD);
- Người đại diện phần vốn nhà nước tại các Tổng công ty – CTCP có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu.

Để chuẩn bị sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019, Bộ Xây dựng yêu cầu các đơn vị nêu trên và Người đại diện phần vốn nhà nước tại các Tổng công ty – CTCP có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu thực hiện báo cáo theo các nội dung sau:

I. ĐỐI VỚI CÁC SỞ

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2019:

a) Đánh giá tình hình thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao trên địa bàn trong 6 tháng đầu năm 2019; nêu rõ kết quả thực hiện nhiệm vụ, những mặt được và chưa được, các vướng mắc trong quá trình thực hiện, nguyên nhân và những giải pháp khắc phục, các kiến nghị đề xuất đối với Bộ.

b) Số liệu: Báo cáo theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Xây dựng.

2. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019: căn cứ kết quả thực hiện được trong 6 tháng đầu năm 2019; xác định phương hướng, nhiệm vụ của ngành Xây dựng tại địa phương trong 6 tháng cuối năm 2019 và các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2019.

II. ĐỐI VỚI CÁC CỤC, VỤ, THANH TRA, VĂN PHÒNG BỘ

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2019:

a) Tình hình xây dựng các văn bản QPPL, các đề án đơn vị được giao chủ trì tại Chương trình xây dựng văn bản QPPL và các đề án năm 2019 của Bộ Xây dựng.

b) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trên phạm vi cả nước, gắn với việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết của Chính phủ số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 (*Quyết định số 41/QĐ-BXD ngày 18/01/2019*) và các Nghị quyết thường kỳ, chuyên đề của Chính phủ; nêu rõ kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế (*có số liệu minh họa kèm theo*).

c) Đánh giá, làm rõ những vấn đề nổi cộm đang được dư luận xã hội quan tâm liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây dựng mà đơn vị được phân công, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục.

d) Ước các chỉ tiêu thống kê đạt được đến 30/6/2019 trên phạm vi cả nước được phân công tại Thông tư số 06/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng.

2. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2019 và các giải pháp để hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2019.

III. ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019:

a) Phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cụ thể (xây lắp; sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng; tư vấn,...).

(*Số liệu thực hiện theo biểu số 01a, 01b, 01c kèm theo văn bản này*)

b) Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện đầu tư các dự án (tiến độ thực hiện, khối lượng giải ngân, hiệu quả đầu tư đối với các dự án đã hoàn thành,...); tình hình huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn của từng dự án.

(*Số liệu thực hiện theo biểu số 02a, 02b, 02c kèm theo văn bản này*).

c) Đánh giá tình hình tài chính của công ty mẹ và các công ty con: kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch về tài chính (Doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu, tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu); tình hình công nợ (nợ phải thu, nợ phải trả, nợ khó đòi, nợ xấu); tình hình thu cổ tức;...

(*Số liệu thực hiện theo biểu số 03 kèm theo văn bản này*).

d) Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đối với Tổng công ty VICEM và HUD: báo cáo công tác sắp xếp, thoái vốn các danh mục đầu tư theo Đề án được duyệt; kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019, kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2019; những vướng mắc, khó khăn và đề xuất, kiến nghị các Bộ, ngành, Chính phủ để tháo gỡ (nếu có).

e) Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp (đối với các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu): báo cáo công tác sắp xếp, thoái vốn các danh mục đầu tư của Tổng công ty theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và nội dung cho ý kiến theo thẩm quyền của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Người đại diện; kết quả thực hiện công tác quyết toán vốn, bàn giao DNNN sang công ty cổ phần; tình

hình thực hiện thoái vốn nhà nước theo Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

f) Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

2. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2019; đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm khắc phục khó khăn, tạo đà để hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2019.

IV. ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

1. Về tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2019: Báo cáo toàn diện về tình hình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong 6 tháng đầu năm 2019, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Tình hình hoạt động của đơn vị trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển bao gồm: Vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, vốn tự huy động, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị,... và tình hình thực hiện các đề tài, dự án sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường, dự án ODA, Chương trình mục tiêu quốc gia..., các nhiệm vụ thường xuyên được giao năm 2019;

- Đánh giá tình hình thực hiện quyền tự chủ về tài chính;

- Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (về thực hiện nhiệm vụ được giao, về thực hiện các cơ chế chính sách của nhà nước) và kiến nghị, đề xuất đối với Bộ.

(Số liệu thực hiện theo biểu số 04a, 04b, 05b, 05c, 05d được ban hành kèm theo Quyết định 699/QĐ-BXD ngày 28/6/2010 của Bộ Xây dựng).

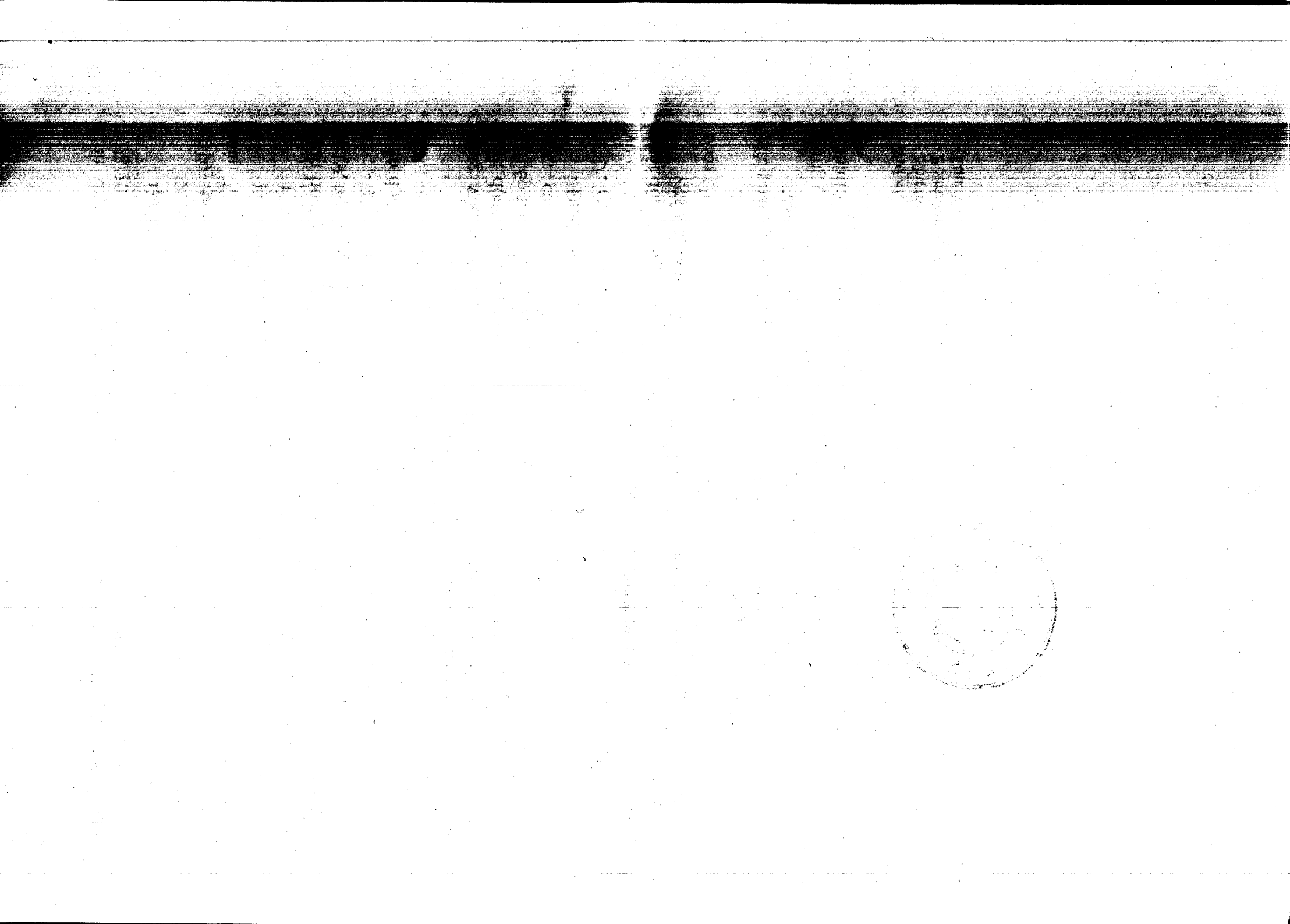
2. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2019 và các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2019.

Yêu cầu các đơn vị thực hiện báo cáo các nội dung trên, gửi về Bộ Xây dựng (Vụ Kế hoạch Tài chính) trước ngày 20/6/2019, đồng thời gửi theo địa chỉ Email: Vukhtc.moc@gmail.com hoặc theo số fax : 043.9742066, 043.9762153. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.





Đơn vị nhận báo cáo:
Đơn vị báo cáo:

Biểu số: 01a- SXKD/DN

BIỂU MẪU BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH
Tháng năm

		Kế hoạch năm báo cáo (*)				Ước thực hiện tháng báo cáo				Ước thực hiện từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo				Thực hiện cùng kỳ năm trước				Tỷ lệ (%)	
TT	Chỉ tiêu	Toàn Tổng công ty	Chia ra:			Toàn Tổng công ty	Chia ra:			Toàn Tổng công ty	Chia ra:			Toàn Tổng công ty	Chia ra:			Thực hiện từ đầu năm so với kế hoạch	Thực hiện từ đầu năm so với cùng kỳ năm trước
			Công ty mẹ	Các công ty con do TCT nắm giữ 100%VĐL	Các công ty con do TCT nắm giữ trên 50%VĐL		Công ty mẹ	Các công ty con do TCT nắm giữ 100%VĐL	Các công ty con do TCT nắm giữ trên 50%VĐL		Công ty mẹ	Các công ty con do TCT nắm giữ 100%VĐL	Các công ty con do TCT nắm giữ trên 50%VĐL		Công ty mẹ	Các công ty con do TCT nắm giữ 100%VĐL	Các công ty con do TCT nắm giữ trên 50%VĐL		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15+16	14	15	16	17=9/1	18=9/13
I	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh = (1+2+3+4)																		
1	Giá trị xây lắp																		
2	Giá trị CN VLXD (giá hiện hành)																		
3	Giá tư vấn																		
4	Giá trị SXKD khác																		

Ghi chú: (*) Theo số liệu đã được phê duyệt

Ngày.....tháng.....năm

Người lập biểu
(Ký)
(Họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)
(Họ tên)

Đơn vị nhận báo cáo:
Đơn vị báo cáo:

BIỂU MẪU BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ XUẤT NHẬP KHẨU
Tháng Năm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm báo cáo	Ước thực hiện tháng báo cáo	Ước thực hiện từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ %	
							Thực hiện từ đầu năm so với Kế hoạch	Thực hiện từ đầu năm so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	I	2	3	4	5=3/1	6=3/4
	Tổng giá trị Kim ngạch Xuất nhập khẩu (I+II)	1000USD						
I	Kim ngạch nhập khẩu	1000USD						
	- Các loại VLXD chủ yếu	1000USD						
	+ Clinker	1000USD						
	+ Gạch ốp lát (Ceramic, granit)	1000USD						
	+ Sứ vệ sinh	1000USD						
	...							
	...							
II	Kim ngạch xuất khẩu	1000USD						
	- Các loại VLXD chủ yếu	1000USD						
	+ Xi măng	1000USD						
	+ Kính	1000USD						
	+ Gạch ốp lát (Ceramic, granit)	1000USD						
	+ Sứ vệ sinh	1000USD						
	...							

Người lập biểu
(Ký)
(Họ và tên)

Ngày.....tháng.....năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)
(Họ tên)

Ghi chú:
- Hàng xuất khẩu tính theo giá FOB, hàng nhập khẩu tính theo giá CIF.
- Vật liệu xây dựng nhập khẩu chủ yếu gồm: clinker, gạch ốp lát (Ceramic, Granit). Sứ vệ sinh, phôi thép,...
- Vật liệu xây dựng xuất khẩu chủ yếu gồm: xi măng, kính, gạch ốp lát (Ceramic, Granit), sứ vệ sinh,...

DATA DATA DATA DATA

DATA DATA DATA DATA

DATA DATA DATA DATA

DATA

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị báo cáo:

Biểu số: 01c-SP/DN

BIỂU MẪU BÁO CÁO CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

Tháng Năm....

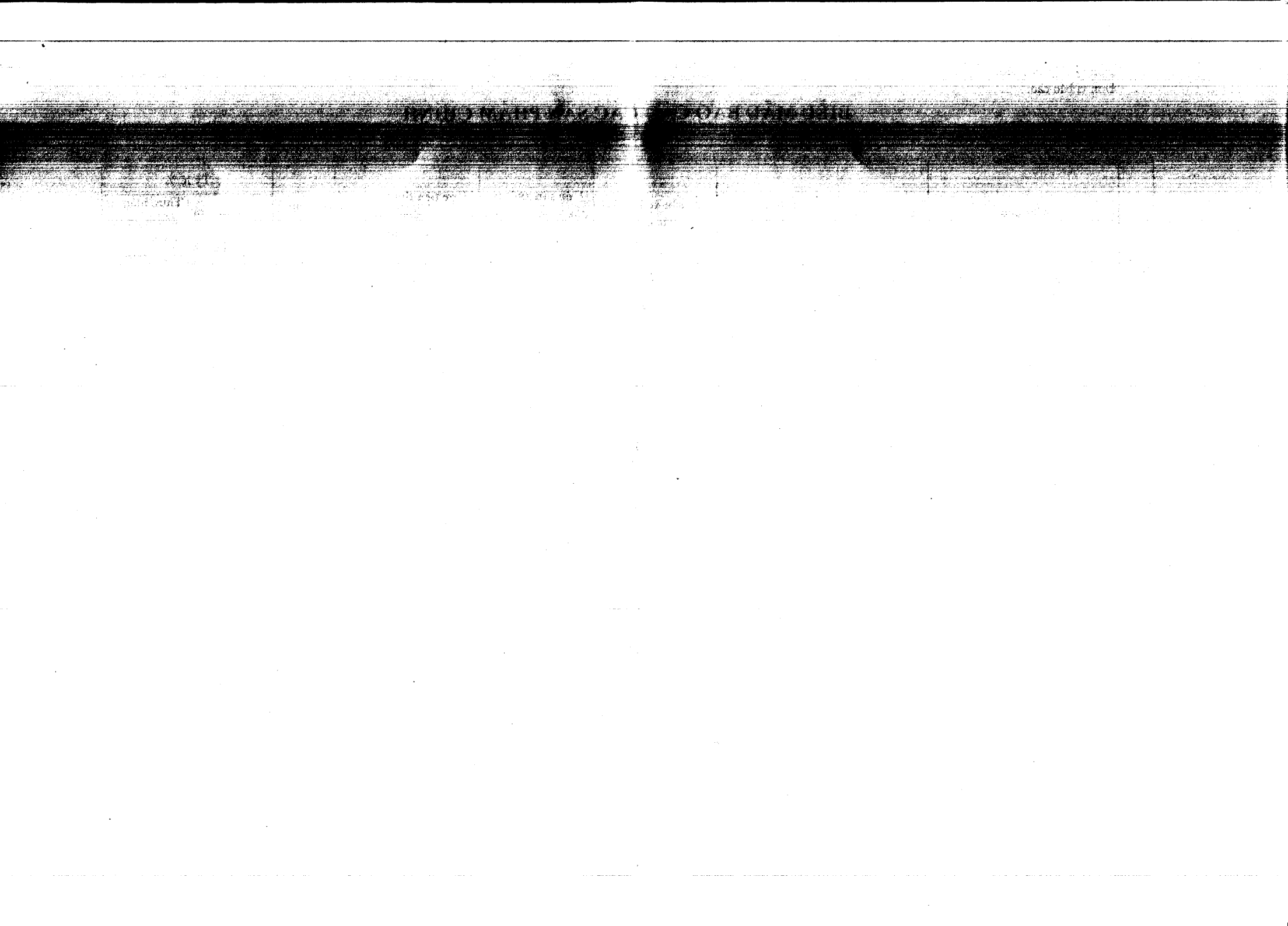
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch sản xuất năm báo cáo	Ước sản xuất tháng báo cáo	Ước sản xuất từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Ước tiêu thụ từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Sản xuất cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ %	
								Thực hiện từ đầu năm so với Kế hoạch	Thực hiện từ đầu năm so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	I	2	3	4	5	6=3/1	7=3/4
I	Sản phẩm chính								
1	Xi măng	1.000 Tấn							
2	Clinke	1.000 Tấn							
3	Kính	1.000 m2							
4	Sứ vệ sinh	1.000 SP							
5	Gạch ốp lát (Ceramic, granit...)	1.000 m2							
6	Các sản phẩm khác								
II	Diện tích nhà ở hoàn thành	m2 sàn							
1	Căn hộ	m2 sàn							
2	Nhà liền kề, biệt thự	m2 sàn							

Người lập biểu
(Ký)
(Họ và tên)

Ngày.....tháng.....năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)
(Họ tên)

Ghi chú

- Các sản phẩm chính gồm: Xi măng, clinker, kính, sứ vệ sinh, gạch ốp lát (Ceramic, Granit), gạch chịu lửa, , nhôm, điện, tấm lợp, gạch xây, nước sạch,... Tùy theo đặc thù năng lực của từng doanh nghiệp, báo cáo các sản phẩm chính của đơn vị.
- Đối với diện tích nhà ở hoàn thành báo cáo 6 tháng và năm.



Đơn vị nhận báo cáo:

Biểu số: 02a - ĐTLV/DN

Đơn vị báo cáo:

BÁO CÁO CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

QUÍ NĂM.....

TT	Nội dung	Số lượng (Dự án)	Kế hoạch vốn năm b/c (Tỷ đồng)	Thực hiện kỳ b/c (Tỷ đồng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Tỷ đồng)	% TH so với KH năm (%)	Ghi chú
1	A	2	3	4	5	6=5/3	B
I	Tổng cộng chung						
1	Đầu tư các dự án phát triển nhà và khu đô thị						
2	Đầu tư các dự án khu công nghiệp tập trung						
3	Đầu tư các dự án xi măng						
4	Đầu tư các dự án sản xuất VLXD khác						
5	Đầu tư các dự án sản xuất điện						
6	Đầu tư các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật						
7	Đầu tư các dự án mua sắm TBTC						
8	Đầu tư vào các lĩnh vực khác						
II	Tổng cộng Công ty mẹ						
1	Đầu tư các dự án phát triển nhà và khu đô thị						
2	Đầu tư các dự án khu công nghiệp tập trung						
3	Đầu tư các dự án xi măng						
4	Đầu tư các dự án sản xuất VLXD khác						
5	Đầu tư các dự án sản xuất điện						
6	Đầu tư các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật						
7	Đầu tư các dự án mua sắm TBTC						
8	Đầu tư vào các lĩnh vực khác						

.....ngày.....tháng.....năm

Người lập biểu

(Ký)

(Họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

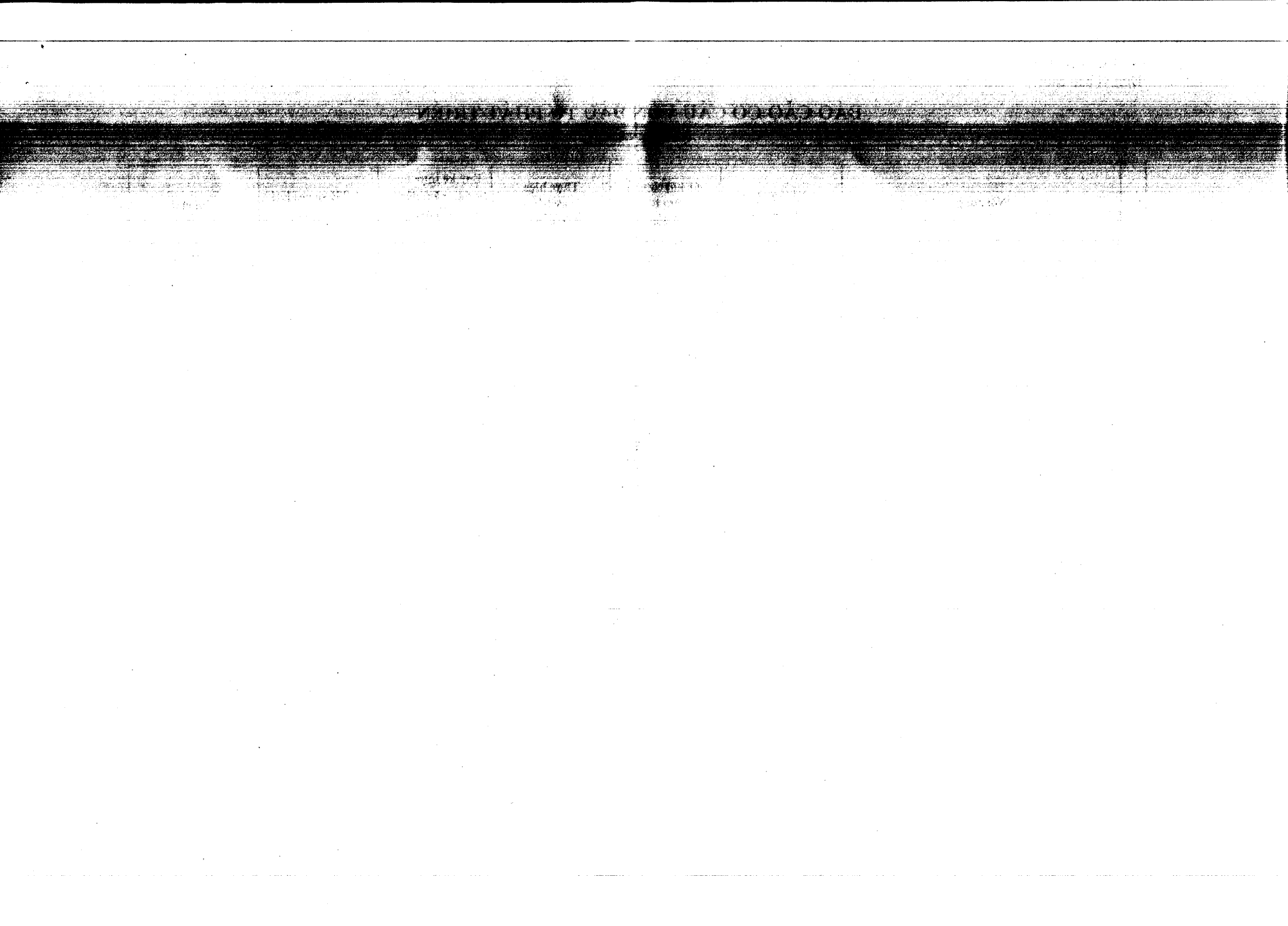
(Họ tên)

Ghi chú:

- Đầu tư các dự án phát triển HTKT bao gồm: Giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải...; Đầu tư vào các lĩnh vực khác bao gồm: Cơ khí, kết cấu thép, góp vốn vào các dự án...

- Phần I - Tổng cộng chung: Số liệu tổng cộng toàn bộ dự án đầu tư theo lĩnh vực do Công ty mẹ của TCT, Công ty con do TCT nắm giữ 100%, trên 50% vốn điều lệ.

- Phần II - Tổng cộng Công ty mẹ: Số liệu tổng cộng toàn bộ dự án đầu tư theo lĩnh vực do Công ty mẹ làm chủ đầu tư



Đơn vị nhận báo cáo:
Đơn vị báo cáo:

Biểu số: 02b - ĐTDM/DN

BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
QUÍ NĂM.....

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	KC-HT	Năng lực thiết kế	TMĐT	Lũy kế TH từ KC đến năm b/c	Lũy kế giải ngân từ KC đến năm b/c	Kế hoạch vốn năm báo cáo				Thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo				% TH so với KH	Ghi chú
								Tổng số	Trong đó phân ra				Tổng số	Trong đó phân ra				
									Vốn nhà nước	Vốn TDTM	Nguồn vốn khác			Vốn nhà nước	Vốn TDTM	Nguồn vốn khác		
1	A	B	C	D	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=10/5	E
	TỔNG CỘNG																	
I	CÔNG TY MẸ																	
	Dự án.....																	
II	CÁC CÔNG TY CON TẬP ĐOÀN HOẶC TCT NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ																	
	Dự án.....																	
III	CÁC CÔNG TY CON DO TẬP ĐOÀN HOẶC TCT NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ																	
	Dự án.....																	

Người lập biểu
(Ký)
(Họ tên)

...., ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)
(Họ tên)

Ghi chú:

- Chi tiết dự án phân theo lĩnh vực đầu tư như tại biểu 03a-ĐTLV/DN
- Vốn nhà nước: Vốn NSNN, vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước, ...
- Nguồn vốn khác: Vốn nước ngoài, vốn tự có, ...

NOT A TRUE PHOTO

Đơn vị nhận báo cáo:

Biểu số: 02c - ĐTTH/DN

Đơn vị báo cáo:

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
QUÍ NĂM.....

STT	Nội dung	Kế hoạch năm		Thực hiện kỳ b/c		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ b/c		% TH so với KH năm (%)	Ghi chú
		Số lượng (Dự án)	Kế hoạch vốn (Tỷ đồng)	Số lượng (Dự án)	Khối lượng (Tỷ đồng)	Số lượng (Dự án)	Khối lượng (Tỷ đồng)		
I	A	2	3	4	5	6	7	8=5/3	B
	TỔNG CỘNG								
I	Phân theo tiến độ								
	Dự án chuyển tiếp trong năm								
	Dự án hoàn thành trong năm								
	Dự án khởi công mới trong năm								
II	Phân theo nhóm dự án								
	Dự án nhóm A								
	Dự án nhóm B								
	Dự án nhóm C								

Người lập biểu

,.....ngày.....tháng.....năm

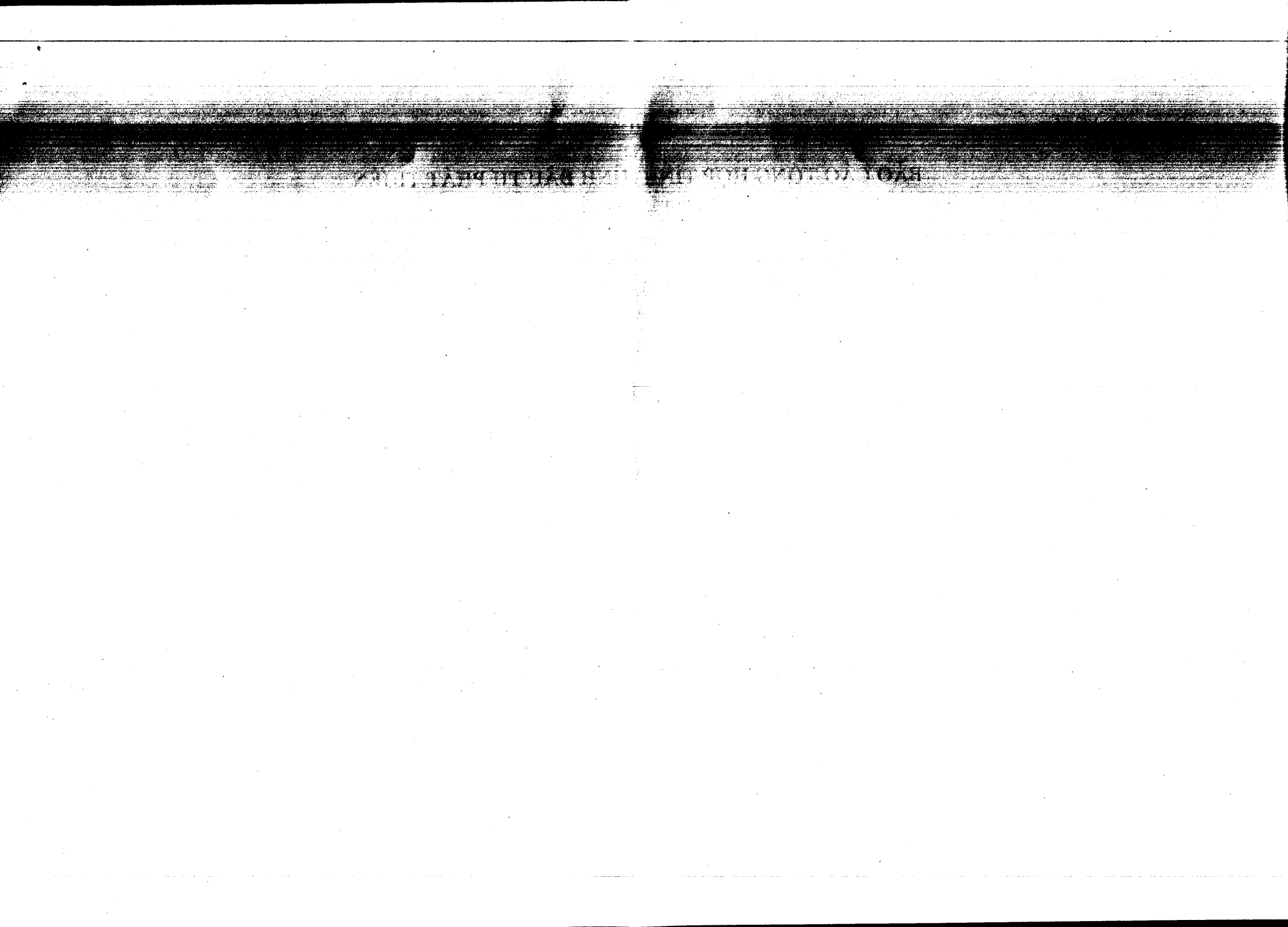
(Ký)

(Họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

(Họ tên)



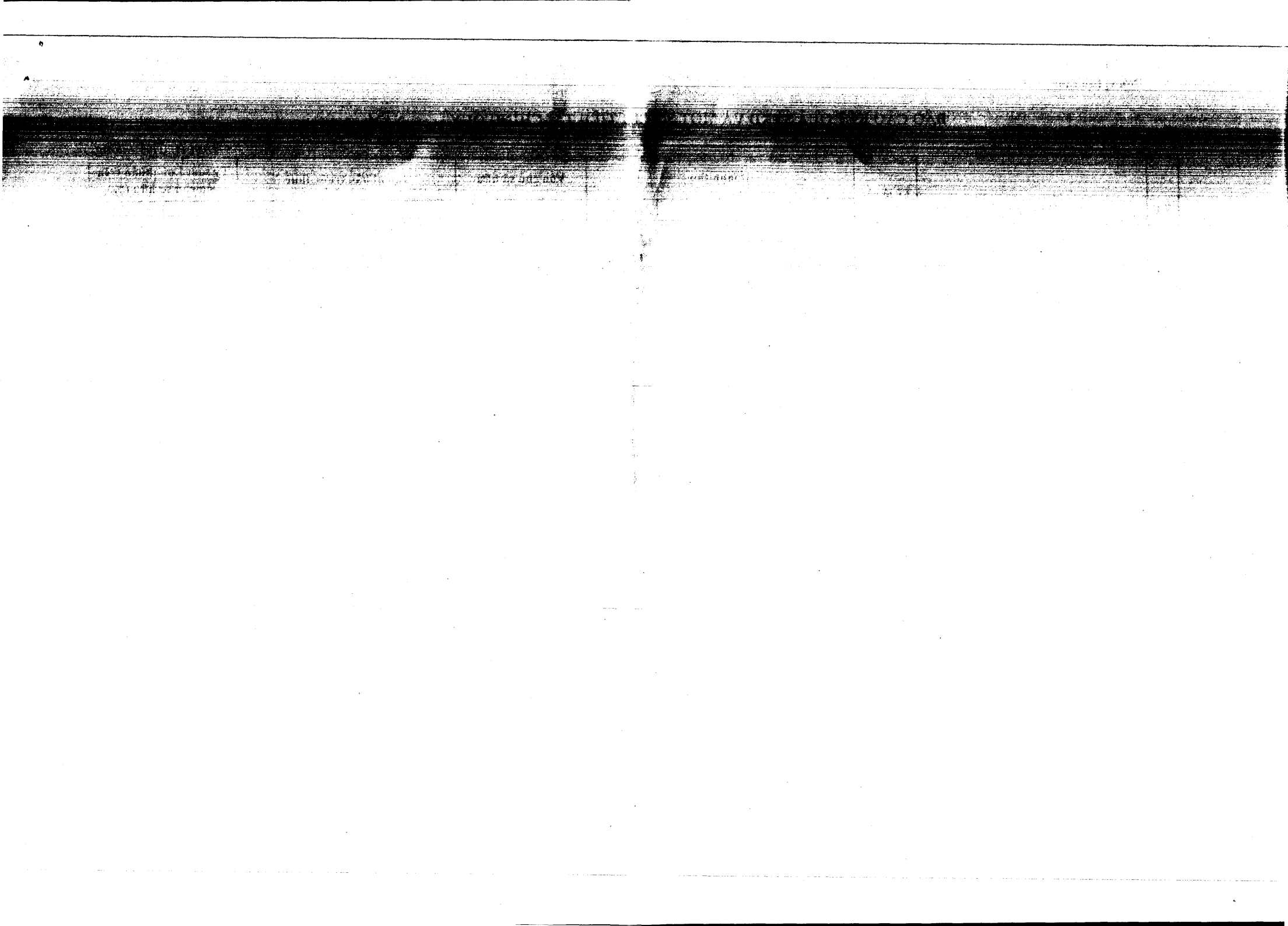
Đơn vị báo cáo:

Biểu số: 03 - TC/BCDN

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÝ....., NĂM.....

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]



Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị báo cáo:

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÝ....., NĂM.....

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Nộp ngân sách		Cổ tức				Tình hình công nợ			
				Thực hiện năm trước		Ước thực hiện năm nay		Nợ phải thu		Nợ phải trả	
		Thực hiện năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Tỷ lệ chia cổ tức	Cổ tức nhà nước được chia	Tỷ lệ chia cổ tức	Cổ tức nhà nước được chia	Thực hiện năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Toàn Tổng công ty										
I	Công ty mẹ										
											
II	Các công ty con do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ										
											
III	Các công ty con do Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ										
											

Lập biểu
(Ký)
Họ tên

Kế toán trưởng
(Ký)
Họ tên